

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HS-PT

Ngày: 15-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông **Đặng Hữu Tài** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2023/TLPT-HS ngày 29/6/2023 đối với bị cáo **Trần Trọng T1**, **Nguyễn Minh P**, **Phan Trọng Đ** do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2023/HS-ST ngày 22-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Trần Trọng T1, sinh năm: 1983 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **Ấp F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông **Trần Văn N** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị N1** (đã chết); Vợ: **Trần Thị D**, sinh năm: 1985; có 02 người con cùng sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Minh P, sinh năm: 1991 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **Ấp F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông **Nguyễn Kim S**, sinh năm: 1962 và bà **Nguyễn Thị X** (đã chết); Vợ: **Nguyễn Thị Kim N2**, sinh năm: 1996 (đã ly hôn); có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Phan Trọng Đ, sinh năm: 1989 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **Ấp F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: thợ xăm; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính:

Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm: 1958 và bà **Phan Thị Thanh T3**, sinh năm: 1963; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người bị hại có kháng cáo:* **Nguyễn Trung T4**, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: **Số B, đường N, Khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2017, ông **Nguyễn Trung T4**, sinh năm 1985, đăng ký thường trú: **Số B đường N, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre** nhờ bạn tên **Bùi Hoàng P1** đứng ra thuê nhà của ông **Đặng Văn H** ở **ấp E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre** kinh doanh trò chơi điện tử. Ông **T4** cũng nhờ **P1** đứng tên trong Giấy chứng nhận đăng ký để hành nghề kinh doanh Trò chơi điện tử bắn cá (còn gọi là game bắn cá), ông **T4** thuê **Thái Văn N3** và **Phạm Thị Hồng T5** quản lý 03 máy game bắn cá tại cơ sở game bắn cá của ông **T4**.

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 02/5/2021, **Trần Trọng T1** thấy vợ của **T1** tên **Trần Thị D** đang chơi game bắn cá tại cơ sở game của ông **T4**, **T1** không cho **D** chơi game và kêu **D** về nhà, còn **T1** bỏ đi uống rượu. Khoảng 19 giờ cùng ngày, do bức tức việc đã khuyên can **D** nhiều lần nhưng **D** vẫn đến chơi game tại cơ sở game của ông **T4** nên **T1** nảy sinh ý định đến cơ sở game của ông **T4** để đập phá. **T1** điện thoại kêu **Phan Trọng Đ** và **Nguyễn Minh P** là bạn của **T1** đến nhà **T1** có công việc. Tại nhà **T1**, **T1** rủ **Đ** và **P** đi đập phá máy game tại cơ sở game của ông **T4** được **Đ** và **P** đồng ý. Khi đi, **Đ** mang theo 01 con dao chết.

Khi đến cơ sở game của ông **T4**, **P** vào trước rồi tháo mũ bảo hiểm đang đội trên đầu xuống cầm trên tay, **P** đến vị trí máy game thứ nhất (tính từ ngoài vào trong) rồi dùng mũ bảo hiểm đập vào tay điều khiển của máy game làm rơi nắp chụp bằng nhựa gắn phía trên tay điều khiển xuống nền nhà. Lúc này **T1** từ bên ngoài vào cơ sở game, chỉ tay vào các máy game và nói “Đập mấy cái máy game bắn cá này cho anh”. **P** cầm mũ bảo hiểm tiếp tục đập một cái vào màn hình máy game bắn cá thứ hai làm rơi mũ bảo hiểm xuống nền nhà nhưng màn hình máy game chưa bị vỡ. **P** lấy cái cuốc của ông **H** dựng ở bức tường trong cơ sở game cầm trên tay, **Đ** bên ngoài vào cơ sở game trên tay cầm con dao chết, **P** và **Đ** đến máy game thứ hai, **P** dùng hai tay cầm cây cuốc đập vào màn hình hai cái, **Đ** dùng hai tay cầm con dao chém vào màn hình hai cái nhưng màn hình máy game vẫn chưa bị vỡ. **P** tiếp tục đến vị trí máy game thứ nhất, dùng hai tay cầm cây cuốc đập vào màn hình máy game một cái làm vỡ màn hình.

Tiếp theo **P** và **Đ** đến vị trí máy game thứ ba, **P** cầm cây cuốc đập vào màn hình, **Đ** cầm con dao chém vào màn hình làm vỡ màn hình. Thấy vậy, **T1** chỉ tay vào máy game thứ hai nói “Còn cái này nữa đập bẻ luôn cho anh”, **Đ** cầm con dao chém vào màn hình máy game hai cái nhưng màn hình máy game vẫn chưa bị vỡ, **P** cầm cây cuốc đập tiếp vào màn hình máy game thứ hai một cái làm vỡ màn hình. Sau khi đập vỡ ba màn hình máy game bắn cá xong, **T1** đi ra bên ngoài cơ sở game gọi điện thoại cho ông **T4** nói “Máy máy game bắn cá của mày tao đập bẻ rồi, tao **T1** con Năm Lùn nè”, điện thoại xong **T1**, **P** và **Đ** rời khỏi hiện trường.

Hiện trường vụ án xảy ra tại cơ sở kinh doanh trò chơi điện tử game bắn cá của ông **Nguyễn Trung T4** tại **ấp E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre** (là địa điểm thuê của ông **Đặng Văn H**). Vị trí ba máy game bị đập phá đặt song song với nhau tại gian trước của ngôi nhà.

Vật chứng thu giữ:

- **Trần Trọng T1** giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu KIRD, loại bàn phím, vỏ màu đen, gắn sim có số thuê bao 0914.017.622.

- **Nguyễn Minh P** giao nộp: 01 mũ bảo hiểm màu tím đã gãy mó, trầy, đứt quai nón, có lỗ bẻ, loại nón nửa đầu; 01 mảnh nhựa màu tím là mó của mũ bảo hiểm; 01 cái cuốc dài 82cm, cán gỗ có đường kính 05cm, lưỡi bằng kim loại rộng 13cm, dài 15cm, lưỡi cuốc bị cong vênh từ dưới lên trên (bị biến dạng).

- **Phan Trọng Đ** giao nộp: 01 dao chết dài 93cm, cán gỗ dài 46cm, dạng trụ tròn đường kính 03cm, lưỡi bằng kim loại dài 47cm, nơi rộng nhất là 06cm, nơi hẹp nhất là 03cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu KIRD, loại bàn phím, vỏ màu đen, gắn sim có số thuê bao 0979.654.449.

- **Nguyễn Trung T4** giao nộp:

- + 01 máy game bắn cá, thùng sơn màu vàng, dài 1,89 mét, rộng 1,35 mét, cao 0,73 mét; mặt màn hình bị bể, kích thước dài 0,27 mét, rộng 0,24 mét.

- + 01 máy game bắn cá, thùng sơn màu vàng, dài 1,97 mét, rộng 1,44 mét, cao 0,73 mét; mặt màn hình bị bể, kích thước dài 0,23 mét, rộng 0,15 mét.

- + 01 máy game bắn cá, thùng sơn màu vàng, dài 1,97 mét, rộng 1,44 mét, cao 0,73 mét; mặt màn hình bị bể, kích thước dài 0,2 mét, rộng 0,05 mét.

- + 01 đầu thu camera, nhãn hiệu Czviz, màu trắng, bên trong đầu thu có 01 thẻ nhớ 32G nhãn hiệu Kioxia; 01 USB màu xanh, nhãn hiệu VNJ, loại 4G.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 09/02/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự **huyện G** kết luận tại thời điểm tài sản bị thiệt hại (ngày 02/5/2021) tài sản có giá trị như sau:

- Một màn hình máy game bắn cá màu đen, kích thước dài 1,21 mét, rộng 0,68

mét, mặt màn hình bị bể, kích thước dài 0,27 mét, rộng 0,24 mét, tâm vùng màn hình bị bể cách góc gần nhất 0,45 mét, cách cạnh gần nhất 0,24 mét; một màn hình máy game bắn cá màu đen, kích thước dài 1,21 mét, rộng 0,68 mét, mặt màn hình bị bể, kích thước dài 0,2 mét, rộng 0,05 mét, tâm vùng màn hình bị bể cách góc gần nhất 0,46 mét, cách cạnh gần nhất 0,12 mét; một màn hình máy game bắn cá màu đen, kích thước dài 1,21 mét, rộng 0,68 mét, mặt màn hình bị bể, kích thước dài 0,23 mét, rộng 0,15 mét, tâm vùng màn hình bị bể cách góc gần nhất 0,6 mét, cách cạnh gần nhất 0,17 mét. Tổng cộng có 03 màn hình bị bể, hư hỏng không còn sử dụng được, mua ngày 11/4/2021, giá 12.000.000 đồng/cái, thành tiền: $03 \times 12.000.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng}$.

- Tấm kính cường lực lắp đặt phía trên màn hình, kích thước dài 1,21 mét, rộng 0,68 mét, dày 0,5cm bị vỡ vụn nhiều mảnh. Tổng cộng có 03 tấm kính cường lực dày 0,5cm bị bể, hư hỏng không còn sử dụng được, giá 550.000 đồng/ m², giá trị còn lại 60%, thành tiền: $1,21 \times 0,68 \times 550.000 \times 60\% \times 03 \text{ tấm} = 814.572 \text{ đồng}$.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 22/02/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự **huyện G** kết luận tại thời điểm tài sản bị thiệt hại (ngày 02/5/2021): 01 nắp chụp bằng nhựa, hình tròn, gắn phía trên tay điều khiển có giá 10.000 đồng.

- Tổng cộng: 36.824.572 đồng.

Tại Công văn số 133/C09B ngày 17/01/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh trả lời bổ sung Kết luận giám định số 6547/1/KL-KTHS ngày 13/12/2022 như sau:

- Không đủ cơ sở xác định hành vi của các bị cáo dùng mũ bảo hiểm, dao và cuộc đập vào 03 máy game trò chơi điện tử (gây hư hỏng màn hình) có còn gây hư hỏng bộ phận nào khác của 03 máy game trò chơi điện tử hay không.

- Không đủ cơ sở xác định hành vi các bị cáo dùng mũ bảo hiểm, dao và cuộc đập vào 03 máy game trò chơi điện tử có gây hư hỏng mạch điều khiển của các tay điều khiển và nút điều khiển của 03 máy game trò chơi điện tử hay không.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2023/HS-ST ngày 22- 5- 2023 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2023/TB-TA ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

[1] Tuyên bố các bị cáo **Trần Trọng T1**, **Nguyễn Minh P**, Phan Trọng Đ phạm: “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản”.

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Phạt:

Trần Trọng T1 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án hình phạt tù.

2/ Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Phạt: **Phan Trọng Đ** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 22/5/2023.

3/ Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Phạt: **Nguyễn Minh P** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 22/5/2023.

[2] Về xử lý vật chứng:

[3] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị cáo đã bồi thường cho bị hại **Nguyễn Trung T4** số tiền 60.824.572 (sáu mươi triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi hai) đồng, trong đó số tiền 36.824.572 đồng là thiệt hại do các bị cáo gây ra và số tiền 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng thiệt hại do mất tiền đặt cọc thuê mặt bằng theo yêu cầu của bị hại (trong đó bị cáo **T1** bồi thường số tiền 20.824.572 (hai mươi triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi hai) đồng, bị cáo **P** bồi thường số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, bị cáo **Đ** bồi thường số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện G**, tỉnh Bến Tre đã bồi thường cho bị hại Tín số tiền 14.490.000 (mười bốn triệu bốn trăm chín mươi) đồng.

Tách phần yêu cầu bồi thường của bị hại **Nguyễn Trung T4** đối với các bị cáo **Trần Trọng T1**, **Nguyễn Minh P**, **Phan Trọng Đ** về số tiền 256.000.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu) đồng là tiền chi trả công lao động cho 02 nhân viên tiệm game trong thời gian 16 tháng không hoạt động để giải quyết bằng vụ kiện dân sự nếu bị hại **Nguyễn Trung T4** có yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về việc chấp hành án treo, xử lý vật chứng [2], án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/6/2023, bị cáo **Trần Trọng T1** kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo hoặc phạt tiền để tạo điều kiện nuôi dưỡng hai con nhỏ.

Ngày 05/6/2023, người bị hại **Nguyễn Trung T4** kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo **Trần Trọng T1**; yêu cầu áp dụng hình phạt tù không cho hưởng án treo đối với bị cáo **Phan Trọng Đ** và bị cáo **Nguyễn Minh P**; Về trách nhiệm dân sự: yêu cầu các bị cáo bồi thường 256.000.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu) đồng là tiền lương trả công lao động cho nhân viên từ lúc xảy ra vụ án đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo **Trần Trọng T1**, bị hại **Nguyễn Trung T4** không thay đổi yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo khai nhận hành vi phù hợp nội dung Bản án sơ thẩm. **Trần Trọng T1** cho rằng là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh khó khăn, có hai con còn nhỏ; anh **T4** xác định yêu cầu bồi thường 256.000.000 đồng của thời hạn 16 tháng cho 02 người mỗi người 8.000.000 đồng/tháng.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo **Trần Trọng T1** và bị hại **Nguyễn Trung T4** làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Trần Trọng T1**, **Nguyễn Minh P**, Phan Trọng Đức phạm: “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và xử phạt bị cáo **Trần Trọng T1** 09 tháng tù, bị cáo **Nguyễn Minh P** 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, bị cáo **Phan Trọng Đ** 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại về hình phạt tù đối với bị cáo **T1** và phần dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **T1**; chấp nhận yêu cầu của bị hại về hình phạt tù đối với bị cáo **P** và bị cáo **Đ**, sửa bản án sơ thẩm (theo Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự):

- Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Phạt: **Trần Trọng T1** 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án hình phạt tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Phạt: **Phan Trọng Đ** 06 (sáu) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Phạt: **Nguyễn Minh P** 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận các bị cáo đã bồi thường cho bị hại **Nguyễn Trung T4** số tiền 60.824.572 (sáu mươi triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi hai) đồng, Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện G**, tỉnh Bến Tre đã bồi thường cho bị hại Tín số tiền 14.490.000 (mười bốn triệu bốn trăm chín mươi) đồng.

- Tách phần yêu cầu bồi thường của bị hại **Nguyễn Trung T4** đối với các bị cáo **Trần Trọng T1**, **Nguyễn Minh P**, **Phan Trọng Đ** về số tiền 256.000.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu) đồng để giải quyết bằng vụ kiện dân sự nếu bị hại **Nguyễn Trung T4** có yêu cầu.

Bị cáo **Trần Trọng T1** không tranh luận;

Bị cáo **Nguyễn Minh P** không tranh luận;

Bị cáo **Phan Trọng Đ** không tranh luận;

Bị hại **Nguyễn Trung T4** không tranh luận;

Bị cáo **Trần Trọng T1** nói lời sau cùng: Ăn năn hối hận, yêu cầu được hưởng án treo do còn hai con nhỏ;

Bị cáo **Nguyễn Minh P** nói lời sau cùng: Ăn năn hối hận, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt;

Bị cáo **Phan Trọng Đ** nói lời sau cùng: Yêu cầu được hưởng án treo, do hoàn cảnh khó khăn, gia đình đơn chiết, mẹ bị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo **Trần Trọng T1** và bị hại **Nguyễn Trung T4** làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định. Do vợ là **Trần Thị D** đến tiệm game bắn cá của ông **Nguyễn Trung T4** tại **ấp E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre** chơi game bắn cá được thua bằng tiền, đến tối ngày 02/5/2021 **Trần Trọng T1** điện thoại rủ các bị cáo **Nguyễn Minh P** và **Phan Trọng Đ** đến tiệm game bắn cá của ông **T4** để đập phá. Khi đến tiệm game bắn cá của ông **T4**, **T1** không trực tiếp đập phá các máy game mà chỉ cho **P** và **Đ** đập phá các máy game bắn cá. **P** dùng mũ bảo hiểm, cuốc còn **Đ** dùng dao để đập và chém làm bể 03 màn hình, 03 mặt kính cường lực và 01 nắp chụp hình tròn bằng nhựa gắn phía trên tay điều khiển 03 máy game bắn cá của ông **T4** gây thiệt hại có tổng giá trị 36.824.572 đồng.

Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản bị hư hỏng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo **Trần Trọng T1**, **Nguyễn Minh P**, **Phan Trọng Đức** phạm “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo **Trần Trọng T1** và bị hại **Nguyễn Trung T4** về trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã xem xét nhân

thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại (theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự); bị cáo **P** phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có cha ruột tên **Nguyễn Kim S** được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến công Hạng Ba do đã có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và làm nghĩa vụ Quốc tế ở Campuchia từ năm 1979-1989 và đang có con nhỏ (theo quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự); bị cáo **T1** có ông ngoại là người có công với đất nước, đang có con nhỏ và là lao động chính trong gia đình (theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Xét kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, hoặc phạt tiền của bị cáo **Trần Trọng T1** và kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo **Trần Trọng T1** của bị hại, thấy rằng tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã xem xét cho bị cáo đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo là người rủ các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **T1** không có thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên không có căn cứ để tăng hình phạt tù đối với bị cáo **Trần Trọng T1**.

Xét kháng cáo của bị hại về hình phạt tù đối với bị cáo **D** và bị cáo **P**, thấy rằng bị cáo **D** tuy có bị kết án (về tội với lỗi vô ý và được hưởng án treo) và Tòa án cấp sơ thẩm xem bị cáo có nhân thân tốt (do đã chấp hành hình phạt xong vào năm 2016 thuộc trường hợp được nhiên xóa án tích), bị cáo **P** có bị xử lý về hành chính với hình thức đưa vào cơ sở giáo dục, chấp hành xong vào năm 2014 (đã hết thời hạn để xem là có bị xử lý hành chính) và Tòa án cấp sơ thẩm xem bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo **D** có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo **P** có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, i khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo **D, P** lần này phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có đủ điều kiện được hưởng án treo. Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo **D, P** hưởng án treo là không vi phạm (Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022) nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

Xét kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị hại đối với số tiền trả lương cho nhân viên, thấy rằng tại phiên tòa sơ thẩm giữa các bị cáo và bị hại không thống nhất về số tiền bồi thường và thời gian thực hiện bồi thường. Mặt khác bị hại không cung cấp Bản hợp đồng lao động ký kết với nhân viên; Qua điều tra người được anh **T4** trả lương thể

hiện: Qua lời khai của anh **Trần Văn N4** (tại bút lục 775-778) “Tôi có nói anh **T4** tôi đi làm khi nào anh **T4** cần thì gọi tôi về thì tôi sẽ làm cho anh **T4**”; tại BL 781 “Do Tín trả lương cho tôi để khi nào có kinh doanh lại thì **T4** gọi tôi làm, do **T4** tự nguyện trả không phải do tôi yêu cầu vì không có thỏa thuận việc Tín trả lương thất nghiệp cho tôi”, còn lời khai của chị **Phạm Thị Hồng T5**, (tại BL 753-758) thể hiện: “Tiền công Tín trả công cho tôi hàng tháng là 3.000.000 đồng”; tại BL 760-763 thể hiện “Tôi làm công cho **T4** trả lương theo tháng mỗi tháng 3.000.000 đồng, cộng tiền ăn uống mỗi tháng khoảng 4.500.000 đồng”; còn theo lời khai của ông **Đặng Văn H** (người cho thuê mặt bằng) (tại BL 800-803) thể hiện “... **P1** thuê đến ngày **T1** đập phá máy game giữa tôi và **P1** chấm dứt hợp đồng thuê nhà” và tại BL 808-810 thể hiện: “Đến hết năm 2021 là hết hợp đồng thuê nhà với **P1**, làm mới hợp đồng với **C** (Tín) bằng thỏa thuận với nhau, không có làm hợp đồng mới do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà nằm trong Ngân hàng; ...; Tuy chỉ thỏa thuận miệng với nhau do máy game bắn cá của **C** bị đập phá không còn hoạt động, tôi và **C** chấm dứt hợp đồng thuê nhà nên số tiền 03 tháng còn lại tôi không có giao lại Cu”;

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên không thỏa thuận được việc bồi thường đối với số tiền 256.000.000 đồng.

Với các tình tiết nêu trên, trong đó hợp đồng lao động là cơ sở để tính mức lương và thời gian trả lương giữa các bên, để đảm bảo quyền lợi của các bên Tòa án cấp sơ thẩm đã tách yêu cầu bồi thường 256.000.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu) đồng của anh **T4** ra để giải quyết bằng vụ kiện khác là có căn cứ.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử;

[6] Về án phí: Bị cáo **Trần Trọng T1** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Người bị hại **Nguyễn Trung T4** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo **Trần Trọng T1** và của người bị hại **Nguyễn Trung T4**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Trọng T1** 09 (chín) tháng tù về “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phan Trọng Đ** 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 22/5/2023. Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre** phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh P** 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 22/5/2023. Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre** phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận các bị cáo đã bồi thường cho bị hại **Nguyễn Trung T4** số tiền 60.824.572 (sáu mươi triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi hai) đồng, trong đó số tiền 36.824.572 đồng là thiệt hại do các bị cáo gây ra và số tiền 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng thiệt hại do mất tiền đặt cọc thuê mặt bằng theo yêu cầu của bị hại (trong đó bị cáo T1 bồi thường số tiền 20.824.572 (hai mươi triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi hai) đồng, bị cáo P bồi thường số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, bị cáo Đ bồi thường số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng). Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã bồi thường cho bị hại Tín số tiền 14.490.000 (mười bốn triệu bốn trăm chín mươi) đồng.

- Tách phần yêu cầu bồi thường của bị hại Nguyễn Trung T4 đối với các bị cáo Trần Trọng T1, Nguyễn Minh P, Phan Trọng Đ về số tiền 256.000.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu) đồng là tiền chi trả công lao động cho 02 nhân viên tiệm game trong

thời gian 16 tháng không hoạt động để giải quyết bằng vụ kiện dân sự nếu bị hại Nguyễn Trung T4 có yêu cầu.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Trần Trọng T1 phải chịu là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm người bị hại Nguyễn Trung T4 không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm(9b);
- Công an và VKSND huyện Giồng Trôm (2b);
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- UBND thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm(1b);
- Bị cáo (3b);
- Bị hại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh